

QUỸ ETF SSIAM VNX50**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - HappinessSố/No. 514/2019/TB-SSIAM-NVQHà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2019
Ha Noi, 17 October 2019**CÔNG BỐ THÔNG TIN**
SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**ANNOUNCEMENT**
AFTER EXCHANGE TRADINGKính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
 - Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành
 - Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
 - Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
 - Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **16/10/2019**
 - Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
- Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Components securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	1.800	3,3%
2	BMP	50	0,2%
3	BVH	100	0,5%
4	CII	310	0,6%
5	CTD	60	0,4%
6	CTG	440	0,7%
7	DHG	10	0,1%
8	DPM	230	0,3%
9	DXG	570	0,7%
10	EIB	1.560	2,0%
11	FLC	850	0,2%
12	FPT	800	3,5%
13	GAS	140	1,1%
14	GEX	550	0,9%
15	GMD	400	0,8%
16	HBC	230	0,2%
17	HCM	180	0,3%



2c

18	HDB	1.030	2,2%
19	HPG	2.480	4,0%
20	HSG	380	0,2%
21	KBC	520	0,6%
22	MBB	2.050	3,6%
23	MSN	700	4,1%
24	MWG	430	4,1%
25	NLG	190	0,4%
26	NVL	540	2,5%
27	PDR	180	0,4%
28	PLX	120	0,5%
29	PNJ	260	1,6%
30	PVD	280	0,4%
31	PVS	300	0,4%
32	REE	250	0,7%
33	ROS	250	0,5%
34	SAB	100	1,9%
35	SBT	390	0,6%
36	SHB	1.600	0,8%
37	SSI	450	0,7%
38	STB	2.570	2,1%
39	TCB	3.410	6,2%
40	TCH	290	0,5%
41	VCB	440	2,8%
42	VCG	100	0,2%
43	VCS	100	0,6%
44	VGC	200	0,3%
45	VHM	1.250	8,1%
46	VIC	1.100	9,8%
47	VJC	400	4,2%
48	VNM	1.020	9,9%
49	VPB	2.570	4,4%
50	VRE	1.570	3,8%
II	Tiền/Cash	14.857.452 VND	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and one lot of ETF in value*:
 - + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket in value* 1.313.632.800 VND
 - + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* 1.328.490.252 VND
 - + Giá trị chênh lệch/ *Spread in value* 14.857.452 VND
 - + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Plan to reduce the spread*
 - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *With creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	71.600	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
2	SSI	21.600	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
3	VCB	85.200	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
4	ACB	24.400	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	CTG	21.700	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	FPT	57.400	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	GMD	26.400	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MBB	23.350	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	MWG	125.500	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	NLG	28.850	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

11	PNJ	80.000	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	REE	37.700	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	TCB	24.250	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
14	VCG	26.600	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
15	VPB	22.550	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (16/10/2019)	Kỳ trước/Last Period (15/10/2019)	Chênh lệch/ Change
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	13.800.000	13.800.000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	13.280	13.220	60
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
<i>của quỹ ETF/ of the Fund</i>	<i>183.331.654.821</i>	<i>183.260.653.968</i>	<i>71.000.853</i>
<i>của 1 lô CCQ ETF/ per Creation Unit</i>	<i>1.328.490.252</i>	<i>1.327.975.753</i>	<i>514.499</i>
<i>của 1 CCQ/ per Share</i>	<i>13.284,90</i>	<i>13.279,75</i>	<i>5,15</i>
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1.505,09	1.503,37	1,72

Đại diện tổ chức

Organization representative



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Lệ Hằng